

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2009

Đã được kiểm toán

Mục lục	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ-BCN ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Nhà máy Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng thành Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng, từ ngày 21/3/2006 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000479 lần đầu ngày 26/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29/9/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2009 là **29.439.240.000 đồng**.

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng.

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31/12/2009:

<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam</i>	<i>: 22,98%</i>
<i>Các cổ đông khác</i>	<i>: 77,02%</i>

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty tính đến ngày 31/12/2009, bao gồm:

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, cột thép, khung nhà tiền chế và các sản phẩm cơ khí khác;
- Mạ kẽm các sản phẩm cơ khí và dịch vụ mạ kẽm;
- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh phát triển nhà hạ tầng và kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất;
- Tư vấn, giám sát, đền bù giải phóng mặt bằng.

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Chi nhánh trong năm tài chính 2009 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty (tiếp theo)

Hội đồng quản trị:

Ông Hồ Thái Hoà	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Hiệu	Ủy viên
Ông Nguyễn Tịnh	Ủy viên
Ông Đào Ngọc Hùng	Ủy viên

Ban giám đốc:

Ông Hồ Thái Hoà	Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Trung	Phó Giám đốc	
Ông Đào Ngọc Hùng	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Khương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/4/2009

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2009; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

6. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Giám đốc

Hồ Thái Hoà

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Kính gửi: **GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được lập ngày 22/02/2010 của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép Vneco.SSM từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huệ
Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV

Đào Tiến Đạt
Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.227.706.566	74.904.707.773
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.274.160.748	744.710.398
1. Tiền	111	V.1	29.274.160.748	744.710.398
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		331.127.182	1.707.305.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	331.127.182	1.707.305.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.833.429.971	37.745.063.401
1. Phải thu khách hàng	131		60.194.102.873	36.770.389.502
2. Trả trước cho người bán	132		4.524.286.204	868.665.303
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	181.665.130	134.470.194
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-66.624.236	-28.461.598
IV. Hàng tồn kho	140		68.807.714.153	32.610.035.299
1. Hàng tồn kho	141	V.4	68.807.714.153	32.610.035.299
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.981.274.512	2.097.593.675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.334.831	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		616.306.892	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	0	6.436.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.354.632.789	2.091.157.675
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.693.433.298	18.163.395.925
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		11.988.463.944	15.663.395.925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.854.336.556	13.662.161.800
<i>Nguyên giá</i>	222		51.117.799.050	49.112.755.246
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		-41.263.462.494	-35.450.593.446
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	48.278.197	32.615.531
<i>Nguyên giá</i>	228		83.456.000	44.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-35.177.803	-11.384.469
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.085.849.191	1.968.618.594
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2.500.000.000	2.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		204.969.354	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	204.969.354	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.921.139.864	93.068.103.698

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		113.009.062.473	56.216.294.072
I. Nợ ngắn hạn	310		112.927.468.058	48.991.209.468
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	28.686.092.784	20.591.931.507
2. Phải trả người bán	312		37.947.028.557	16.913.359.742
3. Người mua trả tiền trước	313		11.309.089.129	1.332.883.175
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.209.044.166	1.192.094.087
5. Phải trả người lao động	315		13.863.573.878	2.644.166.047
6. Chi phí phải trả	316	V.17	9.794.930.194	1.687.350.605
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6.578.172.642	3.859.877.240
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		392.254.800	392.254.800
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.147.281.908	377.292.265
II. Nợ dài hạn	330		81.594.415	7.225.084.604
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	7.154.070.326
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		81.594.415	71.014.278
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.912.077.391	36.851.809.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	67.912.077.391	36.851.809.626
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.439.240.000	27.516.640.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		278.467.338	278.467.338
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-35.470.000	-35.470.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.548.493.335	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.610.136.179	948.081.540
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		770.133.599	325.464.039
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.301.076.940	7.818.626.709
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
Tổng cộng nguồn vốn	440		180.921.139.864	93.068.103.698

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tất Ánh

Hồ Thái Hoà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	228.184.354.254	133.959.399.184
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	3.311.422.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	228.184.354.254	130.647.976.784
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	178.985.054.219	110.173.833.190
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.199.300.035	20.474.143.594
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.661.666.588	384.373.086
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.514.561.055	4.831.401.810
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.808.442.785	4.153.492.470
8. Chi phí bán hàng	24		5.006.955.020	424.156.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.004.515.544	4.091.235.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36.334.935.004	11.511.723.508
11. Thu nhập khác	31		1.187.382.329	1.459.874.023
12. Chi phí khác	32		1.025.901.217	1.052.572.617
13. Lợi nhuận khác	40		161.481.112	407.301.406
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.496.416.116	11.919.024.914
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	3.196.421.076	1.334.196.083
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.33	33.299.995.040	10.584.828.831
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		11.700	3.852

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tất Ảnh

Hồ Thái Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2009

TT	Chi tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	229.312.108.183	132.289.816.646
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-171.073.606.248	-103.292.510.333
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-9.036.454.553	-7.088.890.906
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-2.476.046.622	-6.034.034.886
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-845.425.101	-1.175.730.533
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.274.121.485	2.501.341.228
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-21.314.279.084	-4.603.686.653
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.840.418.060	12.596.304.563
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	-2.006.228.680	-1.408.590.080
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	-4.000.000.000
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.376.177.818	2.292.695.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	-1.717.119.000
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	9.350.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	675.150.940	118.301.122
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.100.078	-4.705.362.958
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	0	-31.470.000
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	106.895.116.012	73.022.361.675
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-109.040.875.758	-76.546.346.780
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-2.888.270.967	-6.516.806.993
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-5.034.030.713	-10.072.262.098
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	27.851.487.425	-2.181.320.493
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	744.710.398	2.926.030.891
	<i>ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		677.962.925	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.274.160.748	744.710.398

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tất Ánh

Hồ Thái Hoà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ-BCN ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Nhà máy Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng thành Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng, từ ngày 21/3/2006 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000479 lần đầu ngày 26/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29/9/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2009 là **29.439.240.000 đồng**.

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng.

Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31/12/2009:

<i>Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam</i>	<i>: 22,98%</i>
<i>Các cổ đông khác</i>	<i>: 77,02%</i>

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Trong năm tài chính 2009, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất công nghiệp cơ khí chế tạo, mạ kẽm, xây dựng, kinh doanh vận tải hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, cột thép, khung nhà tiền chế và các sản phẩm cơ khí khác;
- Mạ kẽm các sản phẩm cơ khí và dịch vụ mạ kẽm;
- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh phát triển nhà hạ tầng và kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất;
- Tư vấn, giám sát, đền bù giải phóng mặt bằng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền, tiền đang chuyển đảm bảo đã được kiểm kê đầy đủ.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Năm 2009, Công ty đang được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 theo hướng dẫn tại thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong năm 2009 được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế TNDN} \\ \text{được giảm} \\ \text{trong năm 2009} \end{array} = \text{Tổng thu nhập chịu thuế năm 2009} \times \text{Thuế suất thuế TNDN (12,5\%)} \times 30\%$$

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	15.129.102	16.540.490
Tiền gửi ngân hàng	29.259.031.646	728.169.908
Tổng	<u>29.274.160.748</u>	<u>744.710.398</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
c- Đầu tư ngắn hạn khác	331.127.182	1.707.305.000
<i>Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam</i>	331.127.182	1.707.305.000
Tổng	<u>331.127.182</u>	<u>1.707.305.000</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	97.016.403	0
Thuế thu nhập cá nhân	17.391.973	0
Phải thu khác	67.256.754	134.470.194
Tổng	<u>181.665.130</u>	<u>134.470.194</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.974.539.642	23.029.740.270
Công cụ, dụng cụ	321.316.849	135.077.716
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.667.071.733	7.049.570.067
Thành phẩm	844.785.929	2.395.647.246
Tổng	<u>68.807.714.153</u>	<u>32.610.035.299</u>

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Thuế xuất nhập khẩu	0	6.436.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>0</u>	<u>6.436.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	11.385.942.869	34.783.946.504	1.726.191.549	1.216.674.324	49.112.755.246
Tăng do mua sắm	0	270.362.683	0	216.593.404	486.956.087
Tăng do XDCB hoàn thành	0	2.232.373.431	0	0	2.232.373.431
Thanh lý, nhượng bán	0	(714.285.714)	0	0	(714.285.714)
Tại ngày 31/12/2009	11.385.942.869	36.572.396.904	1.726.191.549	1.433.267.728	51.117.799.050
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	8.412.567.983	25.299.712.539	869.841.004	868.471.920	35.450.593.446
Khấu hao trong năm	1.426.638.470	3.961.791.311	233.083.005	207.559.965	5.829.072.751
Thanh lý, nhượng bán	0	(16.203.703)	0	0	(16.203.703)
Tại ngày 31/12/2009	9.839.206.453	29.245.300.147	1.102.924.009	1.076.031.885	41.263.462.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2009	2.973.374.886	9.484.233.965	856.350.545	348.202.404	13.662.161.800
Tại ngày 31/12/2009	1.546.736.416	7.327.096.757	623.267.540	357.235.843	9.854.336.556

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.681.012.227 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 353.994.897 VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2009	44.000.000	0	44.000.000
Tăng do mua sắm	39.456.000	0	39.456.000
Giảm khác	0	0	0
Tại ngày 31/12/2009	83.456.000	0	83.456.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2009	11.384.469	0	11.384.469
Khấu hao trong năm	23.793.334	0	23.793.334
Giảm khác	0	0	0
Tại ngày 31/12/2009	35.177.803	0	35.177.803
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2009	32.615.531	0	32.615.531
Tại ngày 31/12/2009	48.278.197	0	48.278.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Máy cuốn tôn	0	886.984.211
Máy hàn tự động, bộ gá hàn, bộ gá quay	0	921.929.653
Mở rộng nhà để xe	30.271.229	22.942.734
Gia công trạm cân điện tử	81.808.883	136.761.996
Tường rào công ty	11.494.840	0
Hệ thống rửa xe ô tô	6.617.700	0
Nhà vệ sinh	77.797.406	0
Bể kềm	1.853.561.533	0
Hệ thống camera	4.500.000	0
Mở rộng phân xưởng mạ kẽm	19.797.600	0
Tổng	2.085.849.191	1.968.618.594

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
c- Đầu tư dài hạn khác	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba</i>	2.500.000.000	2.500.000.000
Tổng	2.500.000.000	2.500.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	204.969.354	0
Tổng	204.969.354	0

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	28.686.092.784	19.706.153.229
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân</i>	26.444.092.784	19.706.153.229
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đà Nẵng</i>	2.242.000.000	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	885.778.278
Tổng	28.686.092.784	20.591.931.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	0	351.437.869
Thuế thu nhập cá nhân	17.391.973	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.191.652.193	840.656.218
Tổng	<u>3.209.044.166</u>	<u>1.192.094.087</u>

17. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Chi phí trích trước cho các công trình	3.072.834.523	1.270.598.541
Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả	45.212.008	416.752.064
Trích trước chi phí bảo hành công trình	6.426.883.663	0
Đại tu bảo dưỡng lò mạ kẽm	250.000.000	0
Tổng	<u>9.794.930.194</u>	<u>1.687.350.605</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Tài sản thừa chờ xử lý	5.659.543.526	3.677.638.138
Kinh phí công đoàn	172.297.370	97.077.553
Bảo hiểm xã hội	3.255.435	0
Bảo hiểm y tế	10.034.645	0
Bảo hiểm thất nghiệp	35.789.788	0
Các khoản phải trả, phải nộp khác	697.251.878	85.161.549
Tổng	<u>6.578.172.642</u>	<u>3.859.877.240</u>

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	0	7.154.070.326
Tổng	<u>0</u>	<u>7.154.070.326</u>

CÔNG TY CP CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hoà Khánh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Tel: 05113. 732 998 Fax: 05113. 732 489

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	27.516.640.000	278.467.338	(4.000.000)	0	325.464.039	948.081.540	414.878	29.065.067.795
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	0	10.584.828.831	10.584.828.831
Giảm vốn trong năm trước	0	0	(31.470.000)	0	0	0	(2.766.617.000)	(2.798.087.000)
Số dư cuối năm trước	27.516.640.000	278.467.338	(35.470.000)	0	325.464.039	948.081.540	7.818.626.709	36.851.809.626
Số dư đầu năm nay								
Tăng vốn trong năm nay	1.922.600.000	0	0	0	0	0	0	1.922.600.000
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	0	0	33.299.995.040	33.299.995.040
Tăng khác	0	0	0	1.548.493.335	444.669.560	1.691.437.639	0	3.684.600.534
Giảm khác	0	0	0	0	0	(29.383.000)	(7.817.544.809)	(7.846.927.809)
Số dư cuối năm	29.439.240.000	278.467.338	(35.470.000)	1.548.493.335	770.133.599	2.610.136.179	33.301.076.940	67.912.077.391

(*) Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/10/2009 “*hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp*”.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.764.670.000	11.853.900.000
Đối tượng khác	22.674.570.000	15.662.740.000
Tổng	29.439.240.000	27.516.640.000

CÔNG TY CP CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Hoà Khánh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Tel: 05113. 732 998 Fax: 05113. 732 489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.516.640.000	27.516.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.922.600.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	29.439.240.000	27.516.640.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	7.817.544.809	2.748.117.000

đ. Cổ phiếu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.943.924	2.751.664
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.943.924	2.751.664
+ Cổ phiếu phổ thông	2.943.924	2.751.664
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.547	3.547
+ Cổ phiếu phổ thông	3.547	3.547
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.940.377	2.748.117
+ Cổ phiếu phổ thông	2.940.377	2.748.117
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.610.136.179	948.081.540
Quỹ dự phòng tài chính	770.133.599	325.464.039

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng Tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.
- Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty. Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thoả ước lao động tập thể...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Quỹ khen thưởng được sử dụng thường cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	228.184.354.254	133.959.399.184
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	220.541.950.610	123.797.397.118
Doanh thu hợp đồng xây lắp	7.642.403.644	10.162.002.066
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)		
Hàng bán bị trả lại	0	3.311.422.400
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	220.541.950.610	120.485.974.718
Doanh thu thuần hợp đồng xây lắp	7.642.403.644	10.162.002.066
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	172.302.761.902	103.330.666.022
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	6.682.292.317	6.843.167.168
Cộng	178.985.054.219	110.173.833.190
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	428.111.347	194.324.301
Lãi bán ngoại tệ	136.114.000	0
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.097.441.241	190.048.785
Cộng	3.661.666.588	384.373.086
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)		
	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	2.647.797.296	4.153.492.470
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	866.763.759	564.364.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	113.544.841
Cộng	3.514.561.055	4.831.401.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***31. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.496.416.116	11.919.024.914
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	34.110.467	163.217.345
- Các khoản tiền phạt Vi phạm hành chính	34.110.467	49.672.504
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	113.544.841
Tổng lợi nhuận tính thuế	36.530.526.583	11.755.807.569
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.566.315.823	1.691.437.639
<i>Ưu đãi thuế theo Thông tư 03/2009/TT-BTC</i>	<i>(1.369.894.747)</i>	<i>(357.241.556)</i>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.196.421.076</u>	<u>1.334.196.083</u>

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.299.995.040	10.584.828.831
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.299.995.040	10.584.828.831
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.846.091	2.747.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>11.700</u>	<u>3.852</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép Vneco.SSM đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tất Ánh

Hồ Thái Hoà